

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 12/01/2023
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Lon
Ông Trần Huy Toàn
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 660/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 148/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T – sinh năm 1979
Nơi cư trú: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh K.
Có mặt

* Bị đơn: Ông Nguyễn Minh N – sinh năm 1979
Nơi cư trú: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh K.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 13/9/2022, bản tự khai ngày 02/11/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Bà T và ông N tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là phường Ninh Hiệp, thị xã N) Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay xác định

tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà T và ông N có 1 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 30/6/2002. Cháu D đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định bà T và ông N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Minh N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã N đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T. Về con chung: Bà T và ông N có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 30/6/2002. Cháu D đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh N đã được Tòa án thông báo hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 26/12/2022 ông N đã không có mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 12/01/2023 ông N tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Minh N có địa chỉ tại Thôn Cháp Lễ, xã Ninh Thân, thị xã N về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là

phường Ninh Hiệp, thị xã N) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 01/4/2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì quá trình chung sống, vợ chồng bà T và ông N không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông N vì không còn tình nghĩa vợ chồng, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa án để làm việc và ghi nhận ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà T nhưng đến thời điểm này ông N vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy ông N đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu ly hôn của bà T là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với ông Nguyễn Minh N.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Minh N có một con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 30/6/2002. Cháu D đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Bà T xác định bà T và ông N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Minh N có một con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 30/6/2002. Cháu D đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Bà T xác định bà T và ông N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005188 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã V, thành phố Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy